

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ TUY HÒA Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH PHÚ YÊN

Bản án số:06/2024/KDTM-ST

Ngày: 22/03/2024

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng ”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hoa Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Cang và ông Huỳnh Khắc Hiếu

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hữu – Kiểm sát viên.

Ngày 22/3/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 04/2024/TLST-KDTM ngày 16/01/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐXX-ST ngày 04/3/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng N1. Địa chỉ: B L, phường T, Quận B, thành phố Hà Nội. Ủy quyền cho Ngân hàng N1 chi nhánh tỉnh P do ông Lê Văn T chức vụ Giám đốc làm đại diện theo Quyết định ủy quyền số 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022. Ông Lê Văn T ủy quyền lại cho ông Trần Hoàng B, chức vụ cán bộ pháp chế A chi nhánh tỉnh P tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền số 379/GUQ-NHNo.PY-KTKSNB ngày 22/02/2024. Địa chỉ: C T, phường D, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Ông B có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Công ty cổ phần Đ. Do ông Ngô Văn N- Chủ tịch Hội đồng quản trị. Ủy quyền lại cho ông Nguyễn Công C –Chức vụ Phó giám đốc Công ty cổ phần Đ theo giấy ủy quyền số 04/UQ ngày 18/3/2024.

Địa chỉ: C L, phường A, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Ông C có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

-Tại đơn khởi kiện, quá trình thu thập tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn trình bày: Do nhu cầu vay vốn, nên ngày 20/6/2012 giữa Ngân hàng N1 chi nhánh tỉnh P (viết tắt Ngân hàng) và Công ty cổ phần Đ (viết tắt công ty Điều) có ký hợp đồng tín dụng số 06/12/HĐTD/DIEU với hạn mức tín dụng được cấp 60.000.000.000đ. Mỗi lần nhận tiền vay, bên vay ký vào giấy nhận nợ kèm theo các chứng từ tài liệu chứng minh mục đích sử dụng tiền vay phù hợp Điều 2 Hợp đồng tín dụng, lãi suất 14%/năm, thời hạn vay 12 tháng, mục đích là để Công ty cổ phần Đ bổ sung chi phí vốn lưu động thực hiện phương án kinh

doanh điều. Hai bên cũng thống nhất toàn bộ dư nợ của Hợp đồng tín dụng số 01/2011/VTTH ngày 16/3/2011 và Phụ lục Hợp đồng ngày 16/9/2011 (đã ký trước đó) được chuyển sang theo dõi tại Hợp đồng tín dụng này và các giấy nhận nợ ngày 14/3/2012, ngày 15/3/2012, ngày 16/3/2012 thì Ngân hàng giải ngân cho công ty Đ số tiền 29.050.000.000đ. Công ty cam kết chuyển phần doanh thu bán hàng theo tỷ lệ cho vay của các tổ chức tín dụng về tài khoản thanh toán của Công ty M tại chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh N1. Đến thời hạn trả nợ nhưng Công ty Đ không thực hiện nghĩa vụ đã cam kết, không trả nợ vay đầy đủ cho Ngân hàng. Ngày 10/01/2023, Ngân hàng thông báo điều chỉnh lãi suất 4,86%/năm tính từ thời điểm vay, hai bên tiến hành làm việc nhưng phía bị đơn cũng không có phương án trả nợ. Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả nợ gốc 15.472.004.166đ và lãi 10.037.676.825đ (tính đến ngày 22/3/2024) và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký.

-Quá trình thu thập tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa đại diện bị đơn trình bày: Về phía công ty cổ phần Đ thì thống nhất với lời trình bày của Ngân hàng về quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng và cam kết các giấy nhận nợ. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và tính đến ngày 22/3/2024 thì công ty cổ phần Đ còn nợ gốc 15.472.004.166đ và lãi 10.037.676.825đ. Hiện công ty Đ đang trong quá trình đàm phán với đối tác để tái cơ cấu lại công ty và hoạt động sản xuất trở lại thì công ty sẽ có phương án trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa mở phiên họp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 305, 471, 474, 476 Bộ luật dân sự 2005; Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn số tiền gốc 15.472.004.166đ và tiền lãi theo quy định. Bị đơn phải chịu án phí. H lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về hợp đồng tín dụng giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận là tranh chấp về kinh doanh thương mại. Bị đơn có địa chỉ tại thành phố T nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn: Ngày 20/6/2012 giữa Ngân hàng N1 chi nhánh tỉnh P và Công ty cổ phần Đ ký kết Hợp đồng tín dụng số 06/12/HĐTD/DIEU, với hạn mức tín dụng được cấp 60.000.000.000đ. Mỗi lần nhận tiền vay Bên vay ký vào giấy nhận nợ, kèm theo các chứng từ tài liệu chứng minh mục đích sử dụng tiền vay phù hợp Hợp đồng tín dụng, lãi suất 14%/năm,

thời hạn vay 12 tháng, mức lãi quá hạn bằng 150% lãi suất cùng loại. Hai bên thống nhất áp dụng lãi suất cho vay thỏa thuận được chủ động điều chỉnh tăng khi có thay đổi về cơ cấu điều hành lãi suất của Ngân hàng N2 hoặc của Ngân hàng N1 trên cơ sở cung cầu thị trường. Khi điều chỉnh lãi suất cho vay bên cho vay thông báo đến bên vay biết để thực hiện, mục đích vay để Công ty cổ phần Đ bổ sung chi phí vốn lưu động thực hiện phương án kinh doanh điều. Theo đó, Ngân hàng đã giải ngân theo các giấy nhận nợ ngày 14/3/2012, ngày 15/3/2012, ngày 16/3/2012 cho công ty Đ số tiền 29.050.000.000đ. Công ty cam kết chuyển phần doanh thu bán hàng theo tỷ lệ cho vay của các tổ chức tín dụng về tài khoản thanh toán của Công ty M tại chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh N1.

Quá trình thực hiện hợp đồng công ty cổ phần Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Đến ngày 10/01/2023, Ngân hàng thông báo điều chỉnh lãi suất 4,86%/năm tính từ thời điểm vay và hai bên tiến hành làm việc nhưng phía bị đơn cũng không có phương án trả nợ. Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả nợ gốc còn lại 15.472.004.166đ và nợ lãi 10.037.676.825đ. Tổng cộng cả gốc và lãi 25.509.680.991đ (hai mươi lăm tỷ năm trăm lẻ chín triệu sáu trăm tám mươi ngàn chín trăm chín mươi một đồng).

Đây là hợp đồng được các bên ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật và quy định Ngân hàng N1 do đó có hiệu lực thi hành đối với các bên. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng đã thông báo chấm dứt cho vay thu hồi nợ. Tại phiên tòa, đại diện bị đơn thống nhất nợ gốc và nợ lãi như đại diện Ngân hàng trình bày. Đồng thời tại văn bản số 11/ĐKKD ngày 22 tháng 02 năm 2024 của Sở kế hoạch đầu tư tỉnh P cung cấp thông tin “Hiện nay công ty Đ còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký số C L, phường A, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Đến nay công ty cổ phần Đ vẫn còn tên trong cơ sở dữ liệu Quốc gia về đăng ký doanh nghiệp” Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ là có cơ sở nên cần chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn,

[3] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật; hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 30, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91, 95, 98 Luật tổ chức tín dụng; Điều 4 Luật kinh doanh thương mại; các Điều 463, 466, 468, 470, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn Công ty cổ phần Đ phải trả nợ vay cho Ngân hàng N1 tổng cộng 25.509.680.991đ (hai mươi lăm tỷ năm trăm lẻ chín triệu sáu trăm tám mươi ngàn chín trăm chín mươi một đồng); trong đó nợ gốc 15.472.004.166đ và nợ lãi 10.037.676.825đ (tính đến 22/3/2024). Kể từ ngày 23/3/2024 cho đến khi trả xong nợ gốc, bị đơn còn phải trả lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận của hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị đơn **Công ty cổ phần Đ** phải chịu 133.510.000đ (một trăm ba mươi ba triệu năm trăm mười ngàn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

H lại cho nguyên đơn **Ngân hàng N1** số tiền 66.642.000đ (sáu mươi sáu triệu sáu trăm bốn mươi hai ngàn đồng) tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0012868 ngày 16/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hòa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Hoa Dung